

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 9 – CẦN THƠ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 122/2026/DS - ST.

Ngày: 30 - 3 - 2026.

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hoàng Việt.

2. Bà Trần Thúy Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2025/TLST - DS, ngày 31 tháng 10 năm 2025 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 292/2026/QĐXXST - DS, ngày 02 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng C; Địa chỉ: Số A, phố L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Trường G – Giám đốc phòng C; địa chỉ: Đường Đ, ấp P, xã A, thành phố Cần Thơ là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019) (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Ngô Văn T, sinh năm 1961; địa chỉ: Ấp A, xã A, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Đặng Thị K, sinh năm 1961; địa chỉ: Ấp A, xã A, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

3.2. Ông Ngô Văn N, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp A, xã A, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 22/8/2025 của nguyên đơn Ngân hàng C (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Trường G trình bày: Từ năm 2010, Ngân hàng C – Phòng C có cho ông Ngô Văn T vay vốn theo sổ vay vốn số 6200035342 với các khế ước nhận nợ như sau:

+ Khế ước nhận nợ số 6000006200045243, ngày vay 12/06/2010, ngày đến hạn 12/06/2020, chương trình cho vay: Hộ nghèo về nhà ở; số tiền 8.000.000 đồng, lãi suất 3%/năm (0,25%/tháng), thời hạn vay 120 tháng, phương thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản và trả lãi 01 tháng/lần; trả tiền gốc 12 tháng/lần. Đến ngày 22/08/2025, ông T chưa thực hiện trả tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận, cụ thể: Số tiền gốc là: 8.000.000 đồng; Số tiền lãi tạm tính đến ngày 30/3/2026 là: 1.508.515 đồng (trong đó: Lãi trong hạn: 1.000.767 đồng, lãi quá hạn: 507.748 đồng), đã trả lãi trong hạn được 812.815 đồng. Tổng số tiền còn phải trả là 8.695.700 đồng.

+ Khế ước nhận nợ số 6000006200045242, ngày vay 12/10/2013, ngày đến hạn 12/10/2020, chương trình cho vay: Học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn; số tiền 27.500.000 đồng, lãi suất 7,8%/năm (0,65%/tháng), thời hạn vay 84 tháng, phương thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản và trả lãi 01 tháng/lần; trả tiền gốc 06 tháng/ lần. Đến ngày 22/08/2025, ông T chưa thực hiện trả tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận, cụ thể: Số tiền gốc là: 27.500.000 đồng; Số tiền lãi tạm tính đến ngày 30/3/2026 là: 27.659.048 đồng (trong đó: Lãi trong hạn: 14.791.986 đồng, lãi quá hạn: 12.867.062 đồng), đã trả lãi trong hạn được 10.915.807 đồng. Tổng số tiền còn phải trả là 44.243.241 đồng.

+ Khế ước nhận nợ số 6600000707790666, ngày vay 22/06/2016, ngày đến hạn 12/06/2021, chương trình cho vay: Hộ mới thoát nghèo; số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 8,25%/năm (0,6875%/tháng), thời hạn vay 60 tháng, phương thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản và trả lãi 01 tháng/lần; trả tiền gốc 12 tháng/ lần. Đến ngày 22/08/2025, ông T chưa thực hiện trả tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận, cụ thể: Số tiền gốc là: 30.000.000 đồng; Số tiền lãi tạm tính đến ngày 30/3/2026 là: 26.235.567 đồng (trong đó: Lãi trong hạn: 11.642.301 đồng, lãi quá hạn: 14.593.266 đồng), đã trả lãi trong hạn được 2.630.000 đồng. Tổng số tiền còn phải trả là 53.605.567 đồng.

Tổng số tiền gia đình ông T phải trả cho Ngân hàng C - Phòng C là: 106.544.508 đồng, trong đó: tiền gốc 65.500.000 đồng, tiền lãi phải trả 41.044.508 đồng.

Ngân hàng C – Phòng C, Hội, Ủy ban nhân dân xã A và Tổ tiết kiệm vay nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông Ngô Văn T thanh toán đủ số tiền gốc và lãi theo quy định nhưng ông Ngô Văn T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông Ngô Văn T hoàn trả số tiền gốc là 65.500.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 30/3/2026 là 41.044.508 đồng, tổng cộng là 106.544.508 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đến khi ông T hoàn trả xong nợ gốc.

- Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Ngô Văn T trình bày: Ông Ngô Văn T có vay tiền của Ngân hàng C. Ông Ngô Văn T thừa nhận đến ngày 22/8/2025 ông T còn nợ Ngân hàng số tiền vay gốc là 65.500.000 đồng và tiền lãi là 30.816.827 đồng, tổng cộng là 96.316.827 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn tôi xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi hết nợ.

- Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 65.500.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 30/3/2026 là 41.044.508 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đến khi ông T hoàn trả xong nợ gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ngày 22/8/2025 nguyên đơn Ngân hàng C yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với bị đơn là ông Ngô Văn T. Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Trong vụ án, bị đơn ông Ngô Văn T hiện cư trú tại ấp A, xã A, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Bị đơn ông Ngô Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị K và ông Ngô Văn N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T, bà K và ông N nêu trên.

[4]. Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội và người đại diện ủy quyền của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông Ngô Văn T hoàn trả số tiền vay gốc là 65.500.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 30/3/2026 là 41.044.508 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng từ ngày 31/3/2026 đến khi ông T trả xong số nợ gốc cho Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Ngô Văn T thừa nhận khi Ngân hàng C có trương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, hộ nghèo về nhà ở và hộ mới thoát nghèo thì ông Ngô Văn T có ký kết hợp đồng vay vốn với Ngân hàng C – Phòng giao dịch Ngân hàng C (viết tắt là Ngân hàng) mục

đích vay để chi phí học tập cho con của ông T là Ngô Văn N, sửa chữa nhà ở và hộ gia đình mới thoát nghèo cụ thể:

Ngày 12/06/2010 ông T vay chương trình hộ nghèo về nhà ở với số tiền là 8.000.000 đồng, lãi suất là 0,25%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 130%, thời hạn vay là 120 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 12/5/2020, sau khi vay ông T chỉ trả lãi cho Ngân hàng được số tiền lãi trong hạn là 812.815 đồng, chưa trả tiền gốc 8.000.000 đồng và lãi còn nợ đến ngày 30/3/2026 là 695.700 đồng.

Ngày 12/10/2013 vay số tiền là 27.500.000 đồng để phục vụ chi phí học tập cho Ngô Văn N, lãi suất là 0,65%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 130%, thời hạn vay là 84 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 12/10/2020, sau khi vay ông T chỉ trả lãi cho Ngân hàng được số tiền lãi trong hạn là 10.915.807 đồng, chưa trả tiền gốc 27.500.000 đồng và lãi còn nợ đến ngày 30/3/2026 là 16.743.241 đồng.

Ngày 22/06/2016 ông T vay chương trình hộ mới thoát nghèo với số tiền là 30.000.000 đồng, lãi suất là 0,6875%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 130%, thời hạn vay là 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 12/06/2021, sau khi vay ông T chỉ trả lãi cho Ngân hàng được số tiền lãi trong hạn là 2.630.000 đồng, chưa trả tiền gốc 30.000.000 đồng và lãi còn nợ đến ngày 30/3/2026 là 23.605.567 đồng.

Tổng nợ của các hợp đồng trên tính đến ngày 30/3/2026 là 106.544.508 đồng, gốc của các khoản vay nêu trên đến nay đã quá hạn hợp đồng nhưng ông T không thanh toán cho Ngân hàng. Hiện nay, tổng số tiền vay gốc ông T còn nợ Ngân hàng là 65.500.000 đồng và ông T thống nhất hoàn trả cho Ngân hàng số tiền này. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự các tình tiết nêu trên là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh trong vụ án nên Hội đồng xét xử khẳng định ông T đã vay và nhận đủ của Ngân hàng số tiền gốc là 65.500.000 đồng. Sau khi được Ngân hàng giải ngân theo hợp đồng thì ông T không thanh toán tiền gốc cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết. Do vậy, việc ông T không thực hiện nghĩa vụ trả dư nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng đã vi phạm thỏa thuận mà các bên đã ký kết, ông T là người có lỗi, là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Vì vậy, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông T hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 65.500.000 đồng và tiền lãi là phù hợp theo quy định tại Điều 280, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi thì tại các hợp đồng ông T ký kết lãi suất tại các hợp đồng cụ thể:

Ngày 12/06/2010 ông T vay chương trình hộ nghèo về nhà ở với số tiền là 8.000.000 đồng, lãi suất là 0,25%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 130%, sau khi vay ông T chỉ trả lãi cho Ngân hàng được số tiền lãi trong hạn là 812.815 đồng, lãi còn nợ đến ngày 30/3/2026 là 695.700 đồng (lãi trong hạn là 187.952 đồng và lãi quá hạn là 507.748 đồng).

Ngày 12/10/2013 vay số tiền là 27.500.000 đồng để phục vụ chi phí học tập cho Ngô Văn N, lãi suất là 0,65%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 130%, sau khi vay ông T chỉ trả lãi cho Ngân hàng được số tiền lãi trong hạn là 10.915.807 đồng, lãi còn nợ đến ngày 30/3/2026 là 16.743.241 đồng (lãi trong hạn là 3.876.179 đồng và lãi quá hạn là 12.867.062 đồng).

Ngày 22/06/2016 ông T vay chương trình hộ mới thoát nghèo với số tiền là 30.000.000 đồng, lãi suất là 0,6875%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 130%, sau khi vay ông T chỉ trả lãi cho Ngân hàng được số tiền lãi trong hạn là 2.630.000 đồng, lãi còn nợ đến ngày 30/3/2026 là 23.605.567 đồng (lãi trong hạn là 9.012.301 đồng và lãi quá hạn là 14.593.266 đồng).

Do ông T đã ký kết các hợp đồng với nguyên đơn nên ông T phải có nghĩa vụ trả lãi cho nguyên đơn theo giao kết là phù hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, ông T phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền lãi theo giao kết trong các hợp đồng tính đến ngày 30/3/2026 là 41.044.508 đồng. Trong đó lãi trong hạn là 13.076.432 đồng và lãi quá hạn là 27.968.076 đồng.

Như vậy, bị đơn ông Ngô Văn T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C dư nợ tính đến ngày 30/3/2026 số tiền vay gốc là 65.500.000 đồng, tiền lãi là 41.044.508 đồng. Trong đó lãi trong hạn là 13.076.432 đồng và lãi quá hạn là 27.968.076 đồng, tổng cộng là 106.544.508 đồng; ông T còn phải trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo hợp đồng kể từ ngày 31/3/2026 cho đến khi trả xong số nợ gốc.

[5]. Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Nguyên đơn Ngân hàng C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu 5.327.225 đồng án phí dân sự sơ thẩm như do ông T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị K và ông Ngô Văn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C.

[2]. Buộc bị đơn ông Ngô Văn T có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng C số tiền vay gốc là 65.500.000 đồng (sáu mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi tính đến ngày 30/3/2026 là 41.044.508 đồng (bốn mươi một triệu, không trăm bốn mươi bốn nghìn, năm trăm lẻ tám đồng). Trong đó lãi trong hạn là 13.076.432 đồng (mười ba triệu, không trăm bảy mươi sáu nghìn, bốn trăm ba mươi hai đồng) và lãi quá hạn là 27.968.076 đồng (hai mươi bảy triệu, chín trăm sáu mươi tám nghìn, không trăm bảy mươi sáu đồng), tổng cộng là 106.544.508 đồng (một trăm lẻ sáu triệu, năm trăm bốn mươi bốn nghìn, năm trăm lẻ tám đồng); ông Ngô Văn T còn phải trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo hợp đồng kể từ ngày 31/3/2026 cho đến khi trả xong số nợ gốc.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Ngân hàng C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn ông Ngô Văn T phải chịu 5.327.225 đồng (năm triệu, ba trăm hai mươi bảy nghìn, hai trăm hai mươi lăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng ông T thuộc diện người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

[5]. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - VKSND khu vực 9 – Cần Thơ;
 - THADS Thành phố Cần Thơ;
 - TAND Thành phố Cần Thơ
- (P. TTr, KT&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Ánh